

Bản án số: 568/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09/6/2020

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên.
2. Ông Phan Minh Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Bá Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Dương Ngọc Ph, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 256/19/10 đường D, Phường A, quận G, Thành phố H (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lại Văn Quốc D, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 27/36/8 đường Ng, Phường B, quận G, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/01/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Bà và ông D kết hôn từ năm 2016, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 12/2019 giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, cụ thể cả hai bất đồng quan điểm sống. Chúng tôi ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Có một con chung tên Lại An K sinh ngày 09/6/2019. Bà Ph yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà khai không có.

Về nợ chung: Bà khai không có.

Ông D đã được tổng đạt hợp lệ vẫn không đến Tòa án, do đó Tòa án không tiến hành lấy lời khai cũng như tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải được. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Ph được ly hôn với ông D. Về con chung: Giao cho bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Yêu cầu xin ly hôn của bà Ph đối với ông D là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về người tham gia tố tụng:

Bà Ph có đơn xin xét xử vắng mặt, ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Ph, ông D là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 104 do Ủy ban nhân dân Phường 01, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/11/2016 đã xác định quan hệ hôn nhân giữa

ông D và bà Ph là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Bà Ph yêu cầu được ly hôn với ông D vì cho rằng do cả hai bất đồng quan điểm sống, hiện đã ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay.

Ông D đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa để tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình, nhưng ông D vẫn không đến Tòa án theo giấy triệu tập, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của bà Ph. Điều này thể hiện ông D không quan tâm đến chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc cho Tòa án giải quyết.

Xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững, là sự nỗ lực phấn đấu, xây dựng của cả hai bên vợ chồng. Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Nhưng giữa bà Ph và ông D đã không còn sống chung với nhau. Nay bà Ph kiên quyết xin ly hôn cho thấy hôn nhân giữa bà Ph và ông D đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Ph yêu cầu giải quyết ly hôn với ông D là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

Về con chung: Bà Ph yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc giao con cho ai nuôi là căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Ông D không đến Tòa án, cũng không có ý kiến gì về con chung. Hiện nay trẻ K dưới 36 tháng tuổi và đang do bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong việc chăm sóc, giáo dục con, Hội đồng xét xử nghĩ chấp nhận yêu cầu của bà Ph giao con chung cho bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ph khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

Án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng bà Ph chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Dương Ngọc Ph đối với ông Lại Văn Quốc D.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ph được ly hôn với ông D (Giấy chứng nhận kết hôn số 104 do Ủy ban nhân dân Phường 01, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/11/2016 không còn giá trị).

- Về con chung: Giao trẻ Lại An K sinh ngày 09/6/2019 cho bà Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông D đến khi nào bà Ph có đơn yêu cầu.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Ph có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông D. Trên cơ sở lợi ích của con chung, khi cần thiết ông D, bà Ph có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Ph khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Ph khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà Ph chịu, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Ph đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0025518 ngày 17/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà Ph đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- CCTHADS Q.Gò Vấp;
- UBND Phường 01, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh,
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đình Tiến